

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-PT
Ngày: 12 - 11 -2018
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị TH Huyền

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/DS-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2018/QĐXX-PT ngày 05 tháng 10 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 21/TB-TA ngày 29/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trung A. Sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1962.

Địa chỉ: Xóm 01, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (ông A có mặt, bà H vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G và ông Nguyễn Trọng H. Văn phòng luật sư Trọng H và cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Số nhà a, đường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An (ông G có mặt, ông H vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T. Sinh năm 1951.

Địa chỉ: Xóm 01, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, do ông Trần Quốc K, chức vụ: Chủ tịch UBND xã P, đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh: Bà Phan Thị Thanh H, Chức vụ: Công chức địa chính xã P, huyện H, theo văn bản ủy quyền số: 05/GUQ-UBND, ngày 20/6/2018 (có mặt).

- UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, do ông Lê Ngọc H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H, đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh: Ông Nguyễn Văn V, Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện H, theo văn bản ủy quyền số: 853/GUQ-UBND, ngày 13/6/2017(có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Trung A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2016, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/6/2016, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung A trình bày:

Gia đình ông Nguyễn Trung A hiện đang quản lý, sử dụng thửa đất số 645, tờ bản đồ số 299, diện tích 1288m² thuộc xóm 01, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Nguồn gốc thửa đất do cha ông để lại, đã được sử dụng ổn định từ trước năm 1980, mọi nghĩa vụ tài chính hàng năm gia đình ông A đều thực hiện đầy đủ. Năm 2013, cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc lại thì diện tích thửa đất gia đình ông A đang sử dụng chỉ còn 1065,7m², thiếu 222,3m². Khi ông A yêu cầu UBND xã P xem xét giải quyết việc diện tích đất mà gia đình ông A bị thiếu thì UBND xã P cho rằng không có căn cứ để giải quyết. Ông A nói rằng phần diện tích đất mà gia đình ông A bị thiếu hiện nay do hộ liền kề là gia đình bà Phạm Thị T đang sử dụng. Ngày 08/5/2014, UBND xã P đã tổ chức buổi hòa giải thì bà T cho rằng hợp tác xã cấp bù đất cho bà nên bà không trả đất. Ông A hoàn toàn không biết việc hợp tác xã đã lấy đất của ông A giao cho bà T, bà T cũng không cung cấp được bất cứ giấy tờ giao đất nào của hợp tác xã. Việc hợp tác xã lấy đất của ông A giao cho bà T là vô lý vì chưa có sự đồng ý của ông A. Vì vậy, ông A làm đơn gửi lên Tòa án yêu cầu giải quyết buộc bà Phạm Thị T pH trả lại 222,3m² đất mà gia đình bà Phạm Thị T đang sử dụng của ông Nguyễn Trung A tại xóm 01, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngày 15/6/2017 ông Nguyễn Trung A bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10294/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND huyện H, đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 428871 mang tên bà Phạm Thị T rõ ràng là trái pháp luật, bởi lý do ông không đồng ý ký vào hồ sơ hộ liền kề, UBND xã P xây dựng hồ sơ cho bà T khi đang có tranh chấp, nộp lệ phí trước bạ sau khi được cấp đất.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Gia đình mẹ chồng bà T có một mảnh đất tại chợ Ga P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Khi đó Hợp tác xã lấy mảnh vườn ở chợ G để làm cửa hàng mua

bán. Sau đó được Hợp tác xã H cấp đổi cho gia đình cha mẹ chồng bà T mảnh vườn giáp vườn ông Nguyễn Trung A. Từ năm 1986 đến nay không có tranh chấp, UBND đã đo đạc ranh giới ổn định nên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 10294/QĐ-UBND ngày 31/12/2013. Do vậy, việc ông A khởi kiện yêu cầu trả lại đất cho ông A là không có căn cứ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ Liên quan trình bày:

- UBND xã P tại các phiên hòa giải đều khẳng định việc xây dựng hồ sơ cấp đất cho bà Phạm Thị T là đúng quy định của pháp luật.

- UBND huyện H và Phòng tài nguyên môi trường huyện H đã cung cấp tài liệu, hồ sơ, văn bản khẳng định trình tự thủ tục cấp đất cho bà Phạm Thị T được thực hiện theo trình tự, thủ tục đúng quy định của pháp luật (văn bản số 300/TNMT ngày 28/08/2017 và bản trình bày ý kiến của UBND huyện ngày 23/6/2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, luật sư Nguyễn Văn G có ý kiến:

Đề nghị HĐXX xem xét hủy Quyết định số 10294/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 428871 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho bà Phạm Thị T tại thửa đất số 123, tờ bản đồ số 59 tại xóm 1 xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Bởi lý do: UBND huyện xác định sai nguồn gốc sử dụng đất; bị đơn thừa nhận nguồn gốc toàn bộ thửa đất không phải được bị đơn thừa kế từ bố mẹ chồng mà bao gồm 418m² do hợp tác xã giao năm 1986. Toàn bộ phần đất bà T đang sử dụng không phải là có trước năm 1980 mà bao gồm cả 418m² do hợp tác xã giao năm 1986, chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào thời điểm UBND huyện ban hành quyết định cấp đất ngày 31/12/2013 là không đúng pháp luật. UBND huyện cho rằng việc cấp đất trước khi bà T thực hiện nghĩa vụ tài chính không ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn là quan điểm không đúng pháp luật. UBND xã và UBND huyện đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục niêm yết công khai bắt buộc đối với việc cấp đất, cấp đất khi đang có ý kiến tranh chấp của nguyên đơn. UBND không thực hiện thủ tục xác nhận lý do vì sao có sự biến động diện tích thửa đất của bị đơn từ 792m² theo hồ sơ quản lý 299 và hiện trạng mới để cấp bìa.

Về yêu cầu đất: Phần diện tích đất tranh chấp nằm trong phần diện tích được cấp bìa; phần diện tích đất cấp bù cho bà T là do các cá nhân ông C, ông V ký xác nhận, nhưng cá nhân ông C, ông V không có thẩm quyền cấp đất. Tại thời điểm bà T được cấp đất 418m² thì hợp tác xã quản lý tại thửa số 640, tờ bản đồ 299 diện tích 248m² thì không thể không bao gồm đất của nguyên đơn tại thửa số 645 được vì thửa đất của hộ liền kề ông Nguyễn Văn P giáp thửa đất số 640 không có tranh chấp, biên bản thẩm định thể hiện phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 645 tờ bản đồ 299 của ông Nguyễn Trung A mà bị đơn đang sử dụng. do vậy đề nghị Hội đồng xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại 222,3m² đất cho mượn bị lấn chiếm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DSST ngày 19/7/2018 của TAND huyện H, tỉnh Hà Tĩnh: Căn cứ Điều 6, 12, 100, 125 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 166, 175, 186 và 190 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 1 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung A, bà Nguyễn Thị H về việc đòi lại diện tích 222,3m² đất từ bà Phạm Thị T và yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 10294/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 428871 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho bà Phạm Thị T. Cụ thể vùng đất có tranh chấp theo kết quả thẩm định có diện tích là 273,3m² (Hai trăm bảy mươi ba phẩy ba mét vuông) có tứ cận như sau: Phía Nam giáp vườn ông Nguyễn Trung A có chiều dài 31,96m; Phía Bắc giáp vườn bà Phạm Thị T có chiều dài 30,6m; Phía Đông giáp vườn bà T có chiều dài 8,8m; Phía Tây giáp đường liên thôn có chiều dài 8,2m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/7/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Trung A kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, ông A cho rằng Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật không đúng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân thủ theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Xét thấy, Tòa án sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và quan điểm của các đương sự thể hiện nguồn gốc phần đất trước đây là một vùng đất sản xuất hoa màu, do Hợp tác xã H quản lý (nay là UBND xã P) giao cho một số xã viên sản xuất hoa màu thời bao cấp. Năm 1986 bà Nguyễn Thị N, tên thường gọi là bà L (đã chết) mẹ chồng bà Phạm Thị T được cấp bù để Hợp tác xã lấy mảnh đất ở của bà L gần Ga P để xây dựng cửa hàng thương nghiệp với diện tích $418m^2$, sau khi được cấp bù đất từ ngày 04/3/1986, gia đình bà T đào mương để xác định ranh giới giữa đất ông A và bà T, giữa 2 gia đình không có sự tranh chấp.

[2.2] Ông Nguyễn Trung A và người đại diện theo ủy quyền của ông A cho rằng gia đình ông A thiếu đất là do gia đình bà T mượn và UBND xã P xây dựng hồ sơ cấp cho bà T khi chưa có sự đồng ý của ông, vì theo bản đồ 299 đất của ông có tổng diện tích là $1288m^2$ còn thiếu $222,3m^2$, còn đất bà T theo bản đồ 299 được sử dụng là $792m^2$ nay sử dụng có diện tích là $1362,5m^2$ là không có cơ sở, bởi lý do trong quá trình hai gia đình sử dụng đất không có sự tranh chấp kể từ năm 1986 đến thời điểm ông A phát hiện thiếu đất. Khi bà T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được chính quyền địa phương đo đất trong khuôn viên của bà T ở ổn định từ năm 1986 đã được gia đình bà T chôn cọc bê tông, dây thép gai, vào thời điểm đó ông A không có ý kiến gì. Năm 2013 cơ quan có thẩm quyền đo đất vườn cho gia đình ông A để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới phát hiện thiếu $222,3m^2$ lúc đó mới khiếu nại UBND xã P xem xét phần đất còn thiếu nhưng đã được UBND xã P trả lời là không có căn cứ vì sau khi đo lại gia đình ông diện tích sử dụng thực tế là $1065,7m^2$ (tại sổ mục kê, tờ bản đồ số 59 UBND xã P xác nhận vào năm 2013).

[2.3] Liên quan vùng đất tranh chấp được thẩm định ngày 12/7/2017 thể hiện vùng đất tranh chấp trước đây do HTX H quản lý, giao cho các hộ dân trồng hoa màu, sau khi HTX H lấy đất của bà L (mẹ chồng bà T) ở ga P để làm cửa hàng thương nghiệp thời bao cấp nên mảnh đất này được cấp bù, nên việc xác định thiếu đất theo bản đồ 229 mà nguyên đơn lấy làm căn cứ là không có căn cứ pháp lý.

[2.4] Mảnh đất của bà T liền kề với ông A đều được cha mẹ để lại, được thể hiện trong bản đồ 299, còn phần phía sau mảnh đất giáp đất ông A là đất của Hợp tác xã H, sau khi được cấp đổi bà T đã làm hồ sơ cấp đất bao gồm cả phần đất cha mẹ để lại và đất cấp đổi từ bà L để lại mà có, vì vậy, diện tích đất $1362,5m^2$ là phù hợp với thực tế.

Ngoài ra việc thiếu đất của ông A còn thể hiện do quy hoạch con đường phía trước năm 2013 là 09m, nay mở rộng là 10m và đường liên thôn cạnh vườn nhà trước năm 2013 là 4m nay là 6m nên việc thiếu đất so với bản đồ 299 là có cơ sở, hơn nữa quá trình đo đạc trước đây bằng phương pháp thủ công nên có thể không chính xác.

[2.5] Đối với nội dung ông Nguyễn Trung A yêu cầu hủy quyết định cấp đất của bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung này đã được UBND huyện H và Phòng tài nguyên môi trường huyện H trả lời tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa

phúc thẩm đại diện UBND xã P và UBND huyện H tiếp tục khẳng định : Việc thực hiện xây dựng hồ sơ cấp GCNQSD đất tại xóm 1 xã P là cấp đồng loạt trong đó có hộ bà Phạm Thị T, từ ngày 02/09/2013 đến ngày 17/09/2013 UBND xã P đã niêm yết công khai danh sách các hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại trụ sở UBND xã và xóm 1 xã P, trong quá trình niêm yết công khai UBND xã không nhận được đơn đề nghị giải quyết của bất kỳ hộ gia đình nào có liên quan đến thửa đất của bà T xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, biên bản họp xóm phục vụ việc xây dựng cấp GCNQSD đất cho thấy thửa đất bà T đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp, khiếu nại. Do triển khai đồng loạt việc cấp GCNQSDĐ theo Nghị định số 54/2013/NQ-HĐND, ngày 13/7/2013 của Hội đồng nhân dân Tỉnh nên việc kê khai, nộp lệ phí trước bạ không kịp thời phải chuyển sang năm 2014, sau khi bà T hoàn thành việc nộp lệ phí trước bạ thì văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất mới hoàn chỉnh hồ sơ bàn giao cho UBND xã P để trả giấy CNQSD đất cho bà T, do đó việc bà T nộp lệ phí trước bạ năm 2014 không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận đất.

Việc ông Nguyễn Trung A cho rằng quá trình xây dựng hồ sơ cấp đất cho hộ bà T ông không ký hộ liền kề. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông làm đơn giám định chữ ký nhưng ông lại làm đơn không yêu cầu giám định, sau khi Tòa án ra quyết định giám định gửi cơ quan giám định. Đến ngày 08/03/2018, Tòa án nhận được văn bản từ chối giám định với lý do chữ ký trên tài liệu giám định là dạng chữ ký đơn giản, dễ bắt chước, không đủ đặc điểm riêng biệt và ổn định. Do đó không đủ giá trị để tiến hành giám định so sánh với chữ ký của ông Nguyễn Trung A. Mặc dù không có kết quả giám định chữ ký của ông A, nhưng căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ, ông A khẳng định trong đơn kiến nghị về việc nộp tiền chi phí giám định ngày 30/10/2017 ông trình bày. *“Tại mục tên người sử dụng đất, chủ quản lý liền kề của biên bản ngày 01/7/2013 có tên tôi Nguyễn Trung A và tôi đã ký nhưng tôi đã gạch chéo chữ ký của mình vì tôi thấy hiện trạng sử dụng thửa đất của bà T bao gồm cả đất của tôi là không đúng”*. Tuy nhiên ông A không chứng minh được sau khi ông ký chữ A vào biên bản và đã gạch không đồng ý nhưng không có tài liệu nào chứng minh hoặc đề nghị hủy bỏ biên bản ký hộ liền kề này.

Tại phiên toà phúc thẩm đại diện UBND xã P và UBND huyện H khẳng định việc UBND xã P xây dựng hồ sơ và đề nghị UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu BP428871 cấp ngày 31/12/2013 cho bà Phạm Thị T được thực hiện đảm bảo trình tự, đúng quy định của pháp luật và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ ông Nguyễn Trung A.

Như vậy, việc bà Phạm Thị T sử dụng diện tích đất được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp với thẩm định thực tế, không có việc lấn chiếm, cấp trùng lên phần đất mà ông Nguyễn Trung A nói rằng UBND xã P và UBND huyện đã hợp thức hóa hồ sơ lấy đất của ông để cấp cho bà T sử dụng là không có căn cứ.

Việc ông A khởi kiện yêu cầu bà T trả lại đất, do bị thiếu so với bản đồ 299, nhưng không xuất trình được các loại giấy tờ để chứng minh nguồn gốc đất

ông đang ở do cha, mẹ để lại cụ thể như thế nào, đất của gia đình ông bị bà T lấn chiếm vào thời gian nào. Năm 2013 ông mới phát hiện thiếu đất nên gửi đơn khiếu nại tại UBND xã P nhưng kết quả đều khẳng định việc bà Phạm Thị T được cấp đất là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó bà T được pháp luật bảo vệ về quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP428871 cấp ngày 31/12/2013, yêu cầu Hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn là không có căn cứ.

Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Trung A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 19/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng Điều 6, 12, 100, 125 Luật đất đai năm 2013; Điều 163, 164, 166, 175, 186 và 190 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Trung A, bà Nguyễn Thị H về việc đòi lại diện tích 222,3m² đất từ bà Phạm Thị T và yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 10294/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 428871 của Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh cấp cho bà Phạm Thị T. Cụ thể vùng đất có tranh chấp theo kết quả thẩm định có diện tích là 273,3m² (Hai trăm bảy mươi ba phẩy ba mét vuông) có tứ cận như sau: Phía Nam giáp vườn ông Nguyễn Trung A có chiều dài 31,96m; Phía Bắc giáp vườn bà Phạm Thị T có chiều dài 30,6m; Phía Đông giáp vườn bà T có chiều dài 8,8m; Phía Tây giáp đường liên thôn có chiều dài 8,2m.

2. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Trung A và bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ông, bà đã nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số AA/2014/0000863 ngày 13/10/2015, nay còn phải nộp tiếp 100.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông Nguyễn Trung A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số

tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số AA/2016/0004213 ngày 31/7/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị TH Huyền

Nguyễn Thị Bích Đào

Hồ Đức Quang

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang